

Bản án số: 136/2018/HS-PT
Ngày: 18-6-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Ông **Võ Kế Nghiệp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thùy T và Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo Trang và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Trần Thùy T, sinh năm: 1978. Nơi sinh: Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị K; chồng: Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1968 (đã ly hôn), chồng: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978 và có 03 người con, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959. Nơi sinh: Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố 8, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X; chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 (đã ly hôn) và có 02 người con, tiền án: năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh K G phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc (Chưa được xóa án tích), tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017. (Có mặt).

Trong vụ án còn có 20 bị cáo khác, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 01/8/2017, Trần Thùy T, Lê Thị H, Nguyễn Thị Thúy N, Dư Thị S, Đoàn Thị Ánh H, Nguyễn Thị T, Võ Thị H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thiện Y, Nguyễn Thị Hồng H, Bùi Văn T, Lê Anh V, Huỳnh Văn K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X, Võ Thị H, Lê Thị T, Huỳnh Mỹ T, Thị Út O và Trần Hoàng P đi đến khu vực đất trồng thuộc ấp Suối Lớn, xã D T, huyện P Q, tỉnh K G tham gia đánh bạc với hình thức chơi bài cào 03 lá (loại bài tây 52 lá) ăn thua bằng tiền do T làm cái. Mỗi ván bài có 01 tụ cái và có từ 7 đến 16 tụ con. T thỏa thuận cho mỗi tụ con đặt mỗi ván bài không quá 200.000 đồng. Có nhiều người tham gia chơi nhưng chỉ có từ 7 đến 16 tụ con nên có người tham gia đặt ké chung tụ với người khác hoặc ké theo cái (có cái). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, thì bị bắt quả tang, thu giữ tiền tại chiếu bạc là 8.500.000 đồng, thu giữ trong người các con bạc là 57.595.000 đồng (trong đó, tiền dùng để đánh bạc là 14.485.000 đồng, tiền không dùng để đánh bạc là 43.710.000 đồng) và một số tang vật khác. Cụ thể:

- Trần Thùy T: Mang theo 2.700.000 đồng dùng để đánh bạc, tham gia làm cái nhiều ván. Đến khi bị bắt thua 1.800.000 đồng, còn lại 900.000 đồng.

- Nguyễn Thị T: Mang theo 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, đặt ké tụ và theo cái. Đến khi bị bắt thua hết tiền.

Tang vật thu giữ:

- 01 tấm bạt nhựa, màu xanh – cam, kích thước 1,9m x 3m, đã qua sử dụng;
- 48 bộ bài tây, loại bài 52 lá, chưa qua sử dụng;
- 140 lá bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng;
- Tiền Việt Nam thu tại chiếu bạc là 8.500.000 đồng, đã gửi Kho bạc P Q.
- Tiền thu trên người các con bạc dùng để đánh bạc là 14.485.000 đồng.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thùy T, Nguyễn Thị T** phạm tội “**Đánh bạc**”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 60 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 5 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thùy T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 4 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thùy T cho Ủy ban nhân dân thị trấn A T huyện P Q, tỉnh K G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử các bị cáo đồng phạm khác, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/01/2018, bị cáo Trần Thùy T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2018, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS kháng nghị phúc thẩm yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xử phạt các bị cáo Trần Thùy T và Nguyễn Thị T bằng hình phạt tù có thời hạn, không cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trang và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 năm tù, bị cáo Trần Thùy T 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thùy T và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P Q về nội dung, quyền kháng cáo, kháng nghị, thủ tục kháng cáo, kháng nghị và thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, tại ấp S L, xã D T, huyện P Q, tỉnh K G, bị cáo Trần Thùy T và Nguyễn Thị T tham gia đánh bạc với hình thức chơi bài cào ba lá cùng với các con bạc khác thì bị Công an huyện P Q bắt quả tang. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 22.985.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Trần Thùy T và Nguyễn Thị T là dùng tiền để tham gia sát phạt lẫn nhau bằng hình thức chơi bài cào ba lá. Đây là một tệ nạn xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, công tác của cá nhân và hoạt động bình thường của xã hội, là nguyên nhân chính, là tiền đề phát sinh các loại

tội phạm hình sự khác. Do đó án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P Q:

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Trần Thùy T mang theo 2.700.000 đồng để tham gia đánh bạc, bị cáo cầm cái nhiều ván từ khoảng 12 giờ đến 13 giờ 30 phút. Khi bị cáo đến tham gia thì sòng bài đã có sẵn, không rõ việc ai đứng ra tổ chức và thu tiền xâu. Như vậy, mặc dù bị cáo T tham gia làm cái cho các con bạc đặt tụ nhưng bị cáo không phải là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy. Bị cáo Trần Thùy T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T đã thi hành xong phần hình phạt bổ sung 10 triệu đồng. Bị cáo Trang có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo T được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật. Mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Trang cũng đã phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hơn cho bị cáo. Còn đối với bị cáo Nguyễn Thị T, bị cáo Thảo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự mà lại có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, bị cáo T còn có một tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. Bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thảo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và xử bị cáo T bằng hình phạt tù có thời hạn mới phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát:

Chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T, còn về phần hình phạt của bị cáo Trần Thùy T không chấp nhận vì bị cáo T có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho bị cáo Trần Thùy T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, về phần hình phạt của bị cáo

Nguyễn Thị T là chưa phù hợp nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang, sửa phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thảo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thùy T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm.

2. *Áp dụng:* khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù giam** về tội “Đánh bạc”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến ngày 9/8/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thùy T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 4 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thùy T cho Ủy ban nhân dân thị trấn A T, huyện P Q tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Trang phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam KG;
- TAND huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo;
- Lưu.

Cao Quốc Chiến